

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-PT

Ngày 24 - 7 - 2023

V/v: *Kiến đòi tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- *Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Thẩm phán:

Bà Lại Thị Hiếu;

Bà Đình Thị Mai Lan.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/TLDS-PT ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc Kiến đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Doãn Th, địa chỉ: Tiểu khu CQ, thị trấn Nông trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, địa chỉ: Bản BN 1, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Người Đ diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn H; địa chỉ: Tổ N 2, phường TM, Thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

+ Người Đ diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Đình Văn V; trú tại: Bản BN, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đặng Văn Ng, địa chỉ: Tiểu khu 14, thị trấn MC1, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Bùi Văn Đ, địa chỉ: Tiểu khu 40, thị trấn Nông trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức K, địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Lương Thị Th1, địa chỉ: Tiểu khu KT, thị trấn Nông trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn Q, địa chỉ: Tiểu khu KT, thị trấn Nông trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị T, địa chỉ: Tiểu khu TT, thị trấn Nông trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Ng, địa chỉ: Bản HT, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La (Công ty TNHH đầu tư Xây dựng và Môi trường MA). Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Th2, địa chỉ: Tiểu khu NN, thị trấn Nông trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Khuất Duy D, địa chỉ: Bản HT, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La (Công ty TNHH đầu tư Xây dựng và Môi trường MA). Vắng mặt.

+ Ông Lê Doãn D1, địa chỉ: Bản BN 1, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, trình bày:

Từ năm 2011, ông và bà Đỗ Thị H có làm ăn chung (*góp vốn vào việc kinh doanh nhà hàng*) tại Nhà hàng MCX thuộc km174, Bản BN, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Quá trình làm ăn, ông và bà H có mối quan hệ tình cảm thân thiết. Đến đầu năm 2019, ông và bà H thống nhất đầu tư chung vào việc xây dựng một ngôi biệt thự cạnh Nhà hàng MCX, mục đích để nhằm kinh doanh Nhà hàng MCX. Việc góp vốn xây dựng khu biệt thự không có biên bản thỏa thuận gì, quá trình xây dựng ngôi biệt thự này ông giữ vai trò chủ yếu trong việc ký các hợp đồng liên quan đến việc xây dựng và trực tiếp thanh toán một số khoản phải thanh toán. Đến tháng 6/2020, việc xây dựng biệt thự đã xong với tổng chi phí khoảng 8 tỷ đồng. Sau khi xây dựng xong, bà H đã chiếm đoạt toàn bộ tài sản của ông, tổng số tiền cá nhân ông đã bỏ ra để xây dựng biệt thự, gồm các khoản sau:

- Thuê máy xúc theo Hợp đồng kinh tế với ông Nguyễn Đức K để san ủi mặt bằng ngôi biệt thự thuộc km174, Bản BN, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La và thanh lý Hợp đồng với ông Nguyễn Đức K ngày 10/8/2019 với tổng số tiền là 411.000.000 đồng.

- Ký hợp đồng và thanh toán hợp đồng kê dọ đá để xây biệt thự với ông Đặng Văn Ng tổng số tiền là 1.030.000.000 đồng.

- Ký hợp đồng xây dựng với ông Bùi Văn Đ, trị giá 1.030.000.000 đồng ngày 16/10/2019, ngoài ra bản thân ông trực tiếp thanh toán cho ông Đ 515.000.000 đồng, bà H thanh toán 515.000.000 đồng.

- Mua vật liệu xây dựng để xây biệt thự và trực tiếp thanh toán với ông Nguyễn Văn Th2 số tiền 734.786.000 đồng.

- Mua vật liệu xây dựng và thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng của ông Khuất Duy D (*Công ty TNHH và Đầu tư xây dựng thương mại MA*) số tiền 494.138.000 đồng.

Năm 2019, ông và bà Đỗ Thị H có mua chung một mảnh đất nông nghiệp diện tích 780m², ở km 178, Quốc lộ 6, thuộc bản CĐ, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La của gia đình ông Phạm Văn Q và bà Lương Thị Th1 ở tiểu khu KT, thị trấn Nông Trường M, huyện MC, tỉnh Sơn La với giá 2.350.000.000 đồng có giấy mua bán đất. Hiện do bà H đã sử dụng toàn bộ mảnh đất trên làm nhà hàng nên ông yêu cầu bà H trả ông $\frac{1}{2}$ số tiền mua đất là 1.175.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả ông là 4.370.924.000 đồng và trả lãi xuất theo quy định Ngân hàng.

Theo bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Đỗ Thị H, trình bày:

Giữa bà và ông Th không có mối quan hệ đầu tư làm ăn gì trên phần đất bà xây nhà; việc xây nhà là do cá nhân bà tự bỏ tiền ra xây trên phần đất mà bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bà không vay mượn gì ông Th để xây dựng, nên không có việc ông Th đầu tư làm ăn hay vay nợ gì ông Th. Nên bà không chấp nhận việc ông Th yêu cầu bà phải trả số tiền xây nhà là 3.195.924.000 đồng.

Giữa bà và ông Th có mối quan hệ là thông gia, do bà là phụ nữ nên không hiểu gì về xây dựng nên có thuê ông Th đứng ra ký hợp đồng xây dựng với ông Đ, ông K và mua vật liệu xây dựng của một số người để xây dựng ngôi nhà cạnh Nhà hàng MCX. Việc thuê ông Th làm hợp đồng mua vật liệu xây dựng không lập Th biên bản chỉ giao kết bằng miệng. Toàn bộ việc thanh toán tiền là do bà và con rể là anh Lê Doãn D1 thanh toán không liên quan gì đến ông Th. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Việc ông Th yêu cầu bà phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền mua đất tại bản CĐ 1, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La là 1.175.000.000 đồng bà bác bỏ ý kiến bởi lẽ: Bà không mua chung gì mảnh đất nào ở bản CĐ 1, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La với ông Th; bà không vay nợ ông Th số tiền 1.175.000.000 đồng. Đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng ông Nguyễn Đức K, trình bày: Ông có ký hợp đồng thuê thiết bị phục vụ thi công dự

án san lấp, đào móng, mức đất đá, làm nền biệt thự cạnh khu đất Nhà hàng MCX tại km174, Bản BN, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La với ông Lê Doãn Th nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể. Tổng số tiền giao kết hợp đồng là bao nhiêu ông không nhớ cụ thể nhưng khoảng 420.000.000 đồng, việc thanh toán tiền theo hợp đồng là do ông Th thanh toán trực tiếp và ông nhận tiền trực tiếp từ ông Th, không thanh toán với ai khác. Các bên thanh toán nhiều lần thường là vào cuối tháng ở khu Nhà hàng MCX, các bên thanh toán không có ai chứng kiến, không làm hóa đơn chứng từ gì.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng ông Bùi Văn Đ, trình bày: Ngày 16/10/2019, ông có xác lập một hợp đồng thi công xây dựng nhà ở tại km174, Bản BN, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La với ông Lê Doãn Th ngôi nhà hiện tại bà H đang ở. Giá trị hợp đồng các bên giao kết là 1.030.000.000 đồng, quá trình thi công khi cần ứng tiền và khi thanh toán tiền ông là người hỏi bà H và bà H giao tiền cho ông và bảo con rể là anh D1 viết giấy giao tiền. Quá trình thi công và thanh toán tiền ông không nhận 515.000.000 đồng từ ông Lê Doãn Th, tất cả ông nhận từ bà H việc giao nhận tiền không làm hóa đơn chứng từ gì.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng ông Nguyễn Văn Th2, trình bày: Ngày 19/10/2019, ông có bán và cung cấp vật liệu xây dựng để xây dựng khu biệt thự cạnh Nhà hàng MCX tại Bản BN, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La. Ông Lê Doãn Th là người trực tiếp đặt mua của ông, do hai bên có quen biết nên ông và ông Th không làm hợp đồng mua bán mà chỉ giao dịch miệng, ông Th là người trực tiếp đến cửa hàng ông để đặt mua vật liệu xây dựng, gồm: Cát đen, xi măng và sắt. Khi đến giao vật liệu xây dựng ông giao cho anh Lê Doãn D1 (con rể bà H), khi thanh toán thì bà H đưa tiền cho anh D1 thanh toán cho ông. Tất cả vật liệu ông cung cấp trị giá khoảng 700.000.000 đồng, việc thanh toán được chia làm nhiều đợt ông không nhớ ngày cụ thể. Bản đối chiếu công nợ giữa ông và ông Th lập ngày nào ông không nhớ, tất cả vật liệu mà ông cung cấp là để phục vụ xây dựng biệt thự cạnh Nhà hàng MCX.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng bà Lương Thị Th1 và ông Phạm Văn Q, trình bày: Năm 2019, bà H có gọi điện cho ông bà hỏi mua đất, sau khi hai bên thỏa thuận trong vòng một tháng vợ chồng bà đã bán cho bà H mảnh đất, lúc đi xem đất có ông Lê Doãn Th là người đi cùng bà H và thỏa thuận giá cả, mảnh đất vợ chồng bà chuyển nhượng cho bà H ở bản CD, xã VH, huyện V, tỉnh Sơn La với giá 2.350.000.000 đồng, khi chuyển nhượng có làm hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy viết tay, bà H là người đứng ra làm hợp đồng với bà Th1 và ông Q, bà không nhớ ông Th có ký tên vào hợp đồng hay không, bà chỉ nhớ bà H là người giao tiền và ông bà nhận tiền từ bà H. Việc giao tiền do bà H chuyển khoản, không có ai là người làm chứng.

Việc ông bà xác lập một giấy biên nhận ngày 06/01/2020 là do ông Th tự xác lập và mang đến cho vợ chồng ông bà ký, ông bà nghĩ việc mua bán bình thường, không nghĩ có ngày kiện ra tòa. Giá chuyển nhượng là 2.350.000.000

đồng, qua hình thức chuyển khoản tại Quỹ tín dụng huyện VH, khi đi có bà H, con trai bà H và ông Q. Bà H trực tiếp chuyển khoản cho vợ chồng ông bà. Trên thực tế vợ chồng ông bà nhận tiền từ bà H nhưng ông Th và ông B có đưa giấy xác nhận đến nên vợ chồng ông bà đã ký xác nhận vì không nghĩ đến ngày kiện ra tòa, ông bà khẳng định lời khai này là sự thật.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng chị Bùi Thị Ng, trình bày: Chị Ng là kế toán của Công ty TNHH MA, việc thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng do kế toán trước đây trực tiếp đi thanh toán chị không nắm được ai là người giao tiền, kế toán trước đây là chị T trực tiếp đi thanh toán. Do ông Th là người gọi vật liệu và ký hợp đồng nên khi ông Th yêu cầu lập bảng chi tiết công nợ thì chị lập và ký vào chi tiết công nợ, còn ai là người thanh toán tiền cho Công ty thì chị không biết vì chị T là người trực tiếp thu tiền, chị không nhớ thời điểm lập bản chi tiết công nợ, do ông Th đề nghị thì chị cung cấp. Tất cả chi tiết công nợ không còn lưu ở văn phòng do các bên đều đã thanh toán xong các khoản.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng chị Lê Thị T, trình bày: Chị trước đây là kế toán của Công ty TNHH MA, chị làm kế toán cho Công ty từ tháng 7/2019 đến tháng 4/2021. Thời gian làm kế toán của Công ty chị có biết ông Lê Doãn Th là người đứng tên làm hợp đồng mua vật liệu xây dựng với Công ty, chị không được lập và không được ký vào bản chi tiết công nợ với ông Th. Vào khoảng năm 2019, chị có đi thu khoản nợ vật liệu xây dựng do chị Bùi Thị Ng là kế toán trưởng của Công ty bảo chị đi thu khoản nợ của khu biệt thự. Ông Th là người thông báo cho Công ty đến thanh toán nợ còn khi thanh toán do thanh toán nhiều lần và nhiều người thanh toán, nên chị không nhớ ai là người thanh toán, thời điểm thanh toán chị không lưu giữ giấy tờ trả nợ, khi thanh toán chị chỉ ký nhận đủ vào sổ nợ của khu biệt thự, chị không nhớ số lần và số tiền thanh toán.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng ông Đặng Văn Ng, trình bày: Ngày 15/10/2019 (âm lịch), ông nhận hợp đồng với ông Th về các hạng mục kê rọ đá, xây tường bao quanh khuôn viên, đổ đường, xây bệ, xây móng đá giáp căn nhà bà H đang ở, giữa ông và ông Th không làm hợp đồng chỉ kê đơn giá các hạng mục và trao đổi với nhau bằng miệng chứ không làm hợp đồng viết tay. Ông Th là người nhờ ông gọi vật liệu xây dựng hộ và khi vật liệu đến thì ông báo ông Th, ông Th giới thiệu đi ứng tiền chỗ bà H để trả vật liệu. Đối với tiền công xây dựng, ông Th làm giấy thanh toán và trả tiền tại Nhà hàng MCX, trong đó có cả gia đình bà H và con bà H, hôm thanh toán cuối cùng khi làm giấy xong thì tiền đã có sẵn trên bàn, ông không biết là của ai và ông Th giao cho ông số tiền đó, cụ thể là 40.000.000 đồng. Trong thời gian làm, khi ứng tiền lúc thì ông Th bảo vào bà H lấy, lúc thì ông Th bảo sang cây xăng 174 lấy. Ông không nhớ cụ thể các lần ứng tiền mà chỉ nhớ lần cuối cùng thanh toán là 40.000.000 đồng tại Nhà hàng MCX khi có cả ông Th, bà H và con bà H, tiền của ai thì ông không biết. Các lần ứng tiền và thanh toán tiền công các bên không làm giấy tờ gì, số tiền 1.041.000.000 đồng là tổng số tiền vật liệu xây

dựng và tiền công xây dựng trong cả quá trình làm cho đến khi kết thúc, tại hôm làm giấy tờ này thì số tiền còn lại là 40.000.000 đồng.

Ngày 09/01/2023, ông NG thay đổi lời khai: Do khoảng tháng 7/2022, bà H cùng con trai và con rể có đến nhà ông yêu cầu ông phải ghi lại vào giấy là nhận tiền từ H. Lúc đó bà H có mang theo sổ ứng tiền đi theo, chữ ký của ông trong giấy bà H yêu cầu ghi và chữ ký trong sổ ứng tiền là chữ ký của ông, việc ký kết hợp đồng xây dựng rọ kè và tường bao khuôn viên ngôi nhà cạnh Nhà hàng MCX ông ký kết với ông Th. Trong quá trình xây dựng ông Th là người trực tiếp chỉ đạo việc thanh toán tiền, lúc thì bảo sang cây xăng lấy tiền, lúc thì bảo sang bà H lấy tiền. Tổng số tiền các bên thanh toán là 1.041.000.000 đồng, việc thanh toán tiền lúc được ký sổ, lúc lấy bên cây xăng không được ký sổ, sau khi thanh toán không làm hóa đơn giấy tờ gì, do nhiều người đưa sổ cho ông K, lúc thì người giám sát công trình, lúc thì con trai bà H, lúc bà H đưa sổ cho ông K.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người làm chứng anh Lê Doãn D1, trình bày: Anh là con rể của bà H, quá trình bà H xây nhà anh có tham gia giúp bà H, trong quá trình xây nhà anh được thanh toán tiền vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Văn Th2, do lâu ngày nên anh không nhớ số tiền thanh toán là bao nhiêu và thanh toán vào thời gian nào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 25, khoản 1 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn Th về việc Kiện đòi tài sản.

Buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho ông Lê Doãn Th số tiền 411.000.000 đồng.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Doãn Th

Buộc bà Đỗ Thị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 20.440.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La:

Ngày 19/4/2023, bị đơn bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí đối với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên buộc bà phải trả cho ông Lê Doãn Th khoản tiền 411.000.000 đồng và phải chịu 20.440.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 19/4/2023, nguyên đơn ông Lê Doãn Th có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền ông đã chi trả.

Ý kiến của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ông Th và xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm đã tuyên.

** Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư K, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên: Đối với khoản tiền 411.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Đức K có nộp giấy xác nhận khoản tiền 411.000.000 đồng không liên quan đến bà H và không được làm việc với bà H toàn bộ số tiền ông làm việc với ông Th. Do đó việc cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho ông Th 411.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 308, 309 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn Th, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, như sau: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Doãn Th.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Doãn Th và bị đơn bà Đỗ Thị H, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại Điều 272 BLTTDS, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Doãn Thanh cho rằng từ năm 2019 ông và bà H cùng nhau góp để xây nhà và mua chung 1 mảnh đất, số tiền ông Th góp là 4.370.924.000 đồng. Hiện bà H là người sử dụng nhà và đất nên ông khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán cho ông số tiền nêu trên và tính lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Kiện đòi tài sản*” là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn Th: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đầu năm 2019, ông Th có K hợp đồng với ông Nguyễn Đức K, ông Bùi Văn Đ, Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại MA và có thỏa thuận với ông Đặng Văn Ng, ông Nguyễn Văn Th2 để thực hiện việc xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho ngôi biệt thự cạnh Nhà hàng MCX, toàn bộ quá trình xây dựng biệt thự bị đơn bà Đỗ Thị H có xác nhận bà có thuê ông Th đứng ra ký hợp đồng với một số người và nhờ mua sắm vật liệu để xây dựng biệt thự. Tuy nhiên, ông Th cho rằng ông cùng góp vốn để xây dựng biệt thự với tổng số tiền 3.195.000.000 đồng là không có căn cứ, vì:

Đối với khoản tiền 1.030.000.000 đồng, ông Th cho rằng ông là người ký hợp đồng và thanh toán toàn bộ khoản tiền trên cho ông Đặng Văn Ng. Tuy nhiên, tại lời khai của ông NG, ông đã nhận tiền thanh toán từ nhiều người, những lần thanh toán đều không xác lập giấy tờ gì, quá trình giải quyết bà H đã cung cấp giấy xác nhận viết tay do ông NG ký với nội dung bà H thanh toán toàn bộ số tiền cho ông NG, ông NG cho rằng bà H ép ông ký vào nội dung trên, tuy nhiên ông không có căn cứ chứng minh ông bị ép buộc, ngoài ra chữ ký trong giấy xác nhận đúng là chữ ký của ông NG. Do đó việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 1.030.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền 1.030.000.000 đồng, ông Th ký hợp đồng xây dựng với ông Bùi Văn Đ, ông Th cho rằng ông đã thanh toán cho ông Đ 515.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của ông Bùi Văn Đ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện: Tại hợp đồng xây dựng ngày 16/10/2019 thể hiện ông Đ và ông Th có xác lập ký hợp đồng với nhau, tuy nhiên toàn bộ số tiền tại hợp đồng là do bà H thanh toán, ông Đ khẳng định không nhận tiền thanh toán từ ông Th. Do đó tại cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với khoản tiền 734.786.000 đồng, ông Th mua vật liệu xây dựng và trực tiếp thanh toán với ông Nguyễn Văn Th2, ông Thăng thừa nhận có thực hiện việc cung cấp vật liệu xây dựng với ông Th, tuy nhiên việc thanh toán khoản tiền là do bà H là người đưa tiền cho anh D1 thanh toán các khoản tiền, tại cấp phúc thẩm ông Th không cung cấp được các căn cứ nào khác để chứng

minh khoản tiền trên là do ông thanh toán cho ông Th1, do đó không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với khoản tiền ông Th cho rằng ông đã thanh toán cho Công ty TNHH và đầu tư xây dựng thương mại MA là 494.138.000 đồng, căn cứ vào lời khai của các đương sự chị Lê Thị T; chị Bùi Thị Ng; ông Khuất Duy D và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Ông Th có lập hợp đồng với Công ty MA và cung cấp bản đối chiếu công nợ, tuy nhiên ông Th không có căn cứ gì để chứng minh ông đã thanh toán toàn bộ số tiền cho Công ty, tại lời khai của chị Ng xác định bản chi tiết công nợ là do ông Th đến yêu cầu chị xác lập bởi ông là người ký hợp đồng, còn nhận thanh toán tiền do chị T là người nhận, tuy nhiên tại lời khai của chị T xác định không nhớ nhận tiền từ ai do thời gian đã lâu và khi nhận không để lại hóa đơn chứng từ gì. Đối với ông Khuất Duy D, có cung cấp giấy xác nhận bà H là người đã thanh toán tiền cho Công ty. Do đó tại cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Doãn Th là có căn cứ.

Đối với yêu cầu buộc bà Đỗ Thị H phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản tiền 2.350.000.000 đồng tương đương 1.175.000.000 đồng là tiền mua đất của bà Lương Thị Th1 - ông Phạm Văn Q, căn cứ vào lời khai của bà Th1 và ông Q khẳng định, có sự việc mua bán đất tuy nhiên việc lập hợp đồng mua bán đất là giữa bên mua là bà Đỗ Thị H và bên bán là ông Phạm Văn Q - bà Lương Thị Th1, việc lập hợp đồng mua bán không có sự tham gia ký kết của ông Lê Doãn Th, hơn nữa ông Q bà Th1 xác định bà H là người thanh toán tiền, bằng hình thức chuyển khoản cho ông bà. Tại cấp phúc thẩm ông Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nào khác, do đó việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ.

2.2. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H: Không nhất trí đối với một phần quyết định của bản dân sự sơ thẩm đã tuyên, buộc bà phải trả cho nguyên đơn ông Lê Doãn Th số tiền 411.000.000 đồng và phải chịu 20.440.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với khoản tiền 411.000.000 đồng, ông Th buộc bà H phải thanh toán cho ông là khoản tiền ông cho rằng ông đã trực tiếp bỏ ra để thanh toán tiền thuê sản ủi mặt bằng ngôi biệt thự, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và Giấy xác nhận của ông Nguyễn Đức K, do bà H nộp tại cấp phúc thẩm, xác định việc giữa ông và ông Th không có liên quan đến bà H, ông khẳng định ông không biết bà H và không làm việc gì cho bà H. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền trên, việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định phân tích nêu trên, không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn Th, chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà

Đỗ Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện lẽ ra ông Lê Doãn Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do ông Th là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí nêu trên.

Bị đơn bà Đỗ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Doãn Th; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Doãn Th về việc yêu cầu buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho ông tổng số tiền là 4.370.924.000đ (bốn tỷ ba trăm bảy mươi triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0002854 ngày 21/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/7/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Vân Hồ;
- Chi cục THADS huyện Vân Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tòng Thị Hiền